



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THÔNG TƯ 22

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2021 và thực hiện theo lộ trình:

- Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 6.
- Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 7 và lớp 10.
- Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 8 và lớp 11.
- Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 9 và lớp 12.

2. Thông tư này thay thế **Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT** và **Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT**.

CẤU TRÚC CỦA THÔNG TƯ: Có 5 chương, 22 điều

- Chương 1: Quy định chung, gồm 4 điều: từ điều 1 đến điều 4
- Chương 2: **Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh**, gồm 7 điều: Từ điều 5 đến điều 11
- Chương 3: **Sử dụng kết quả đánh giá**, gồm 4 điều: Từ điều 12 đến điều 15
- Chương 4: **Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**, gồm 5 điều: Từ điều 16 đến điều 20
- Chương 5: Điều khoản thi hành, gồm 2 điều: Điều 21,22.

Mục đích và yêu cầu đánh giá

Mục đích đánh giá

- ❖ Đánh giá nhằm xác định mức độ **hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập** của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông
- ❖ Cung cấp **thông tin chính xác, kịp thời** để học sinh điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học

Yêu cầu đánh giá

1. Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được **quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông**
2. Đánh giá bảo đảm tính **chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan**
3. Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa **đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì**
4. **Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh**; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; **không so sánh học sinh với nhau**

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

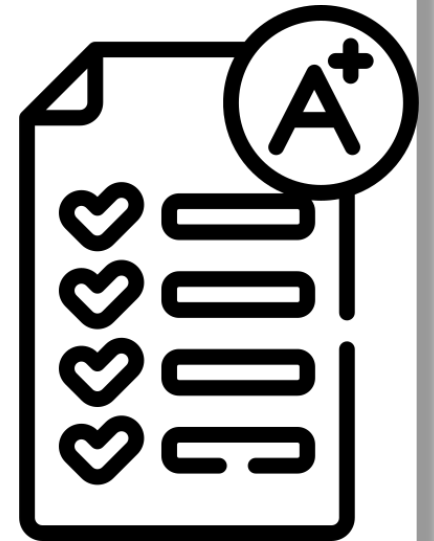
1. Đánh giá bằng nhận xét

- a) Giáo viên dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh; **nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu**
- b) Học sinh dùng hình thức **nói hoặc viết** để tự nhận xét bản thân.
- c) Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục học sinh cung cấp thông tin phản hồi.
- d) Đánh giá bằng **nhận xét kết quả rèn luyện và học tập** của học sinh được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì



2. Đánh giá bằng điểm số

- a) Giáo viên dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh.
- b) Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá



HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

3. Hình thức đánh giá đối với các môn học

- a) **Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học**: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.
- b) **Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số** đối với các môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông, trừ các môn học quy định tại điểm a khoản này; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

1. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: **hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.**
2. Đối với một môn học, mỗi học sinh được **kiểm tra, đánh giá nhiều lần**, trong đó **chọn một số lần** kiểm tra, đánh giá **phù hợp với tiến trình dạy học** theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, **ghi kết quả đánh giá vào sổ** theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 22, như sau:
 - a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét: mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.
 - b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐĐG_{tx}) trong **mỗi học kì** như sau:
 - Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐG_{tx}.
 - Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐG_{tx}.
 - **Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐG_{tx}**

3. Đối với **cụm chuyên đề học tập của môn học** ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó **chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá** làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập.

Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của **01 lần đánh giá thường xuyên** của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học)

ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

1. Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: **bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.**

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên **70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút**; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, **đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra**, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học.

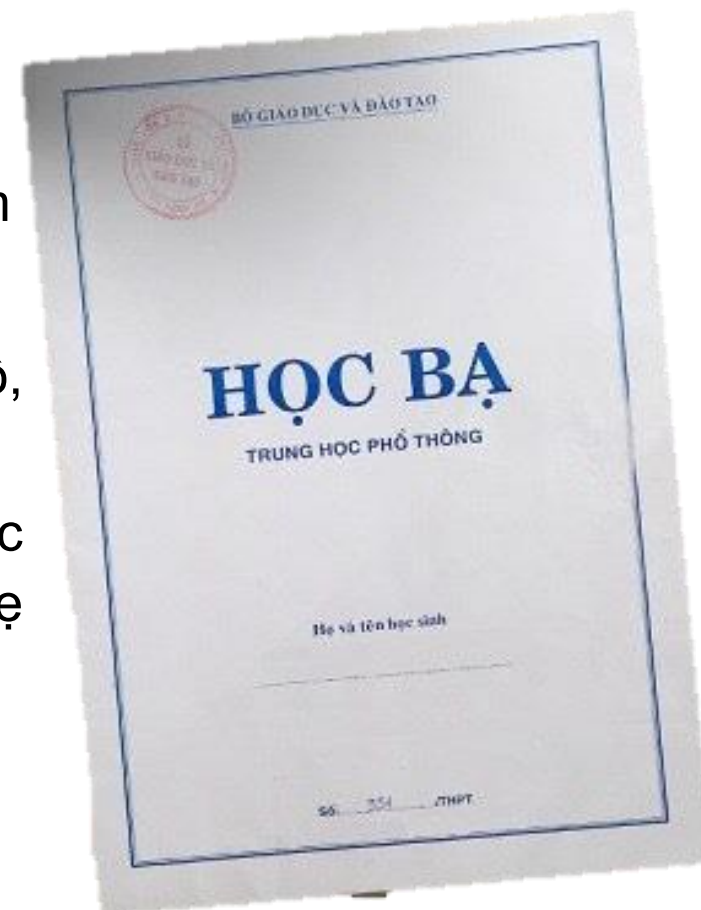


2. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kì và 01 (một) lần đánh giá cuối kì.
3. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐĐG_{ck}).
4. Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.
5. Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

1. Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

- a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh
- b) Giáo viên môn học đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh;
- c) Giáo viên chủ nhiệm theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo giáo viên môn học, cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân



2. Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học: 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) **Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì**

- **Mức Tốt:** Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.
- **Mức Khá:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.
- **Mức Đạt:** Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- **Mức Chưa đạt:** Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) **Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học**

- **Mức Tốt:** học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.
- **Mức Khá:** học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.
- **Mức Đạt:** học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.
- **Mức Chưa đạt:** Các trường hợp còn lại.

Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

❖ Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

❖ Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkl}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkll}}}{3}$$

ĐTB_{mhkl} Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkll}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

- ❖ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số,
- ❖ ĐTB_{mhk} sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong từng học kì
- ❖ ĐTB_{mcn} sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong cả năm học
- ❖ Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, ĐTBmhk được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, ĐTBmcn được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: **Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.**

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhk, ĐTBmcn từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.
- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhk, ĐTBmcn từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa đạt.
- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTBmhk, ĐTBmcn từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có ĐTBmhk, ĐTBmcn dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

Được lên lớp, đánh giá lại trong kì nghỉ hè, không được lên lớp

1. Học sinh có đủ các điều kiện dưới đây thì được lên lớp hoặc được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở, chương trình trung học phổ thông:
 - a) Kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Đạt trở lên
 - b) Kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Đạt trở lên
 - c) Nghỉ học không quá 45 buổi trong một năm học
2. Trường hợp học sinh phải rèn luyện trong kì nghỉ hè; học sinh phải kiểm tra, đánh giá lại môn học trong kì nghỉ hè.
3. Học sinh không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì không được lên lớp hoặc không được công nhận hoàn thành chương trình
4. Đối với học sinh khuyết tật: Hiệu trưởng căn cứ kết quả đánh giá học sinh khuyết tật để xét lên lớp hoặc công nhận hoàn thành chương trình đối với học sinh khuyết tật

Rèn luyện trong kì nghỉ hè

1. Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè.
2. Hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè do Hiệu trưởng quy định.
3. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè
 - ❖ GV chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh
 - ❖ Cuối kì nghỉ hè, GV chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học;
 - ❖ Kết quả đánh giá lại được sử dụng thay thế cho kết quả rèn luyện cả năm học để xét lên lớp



Kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp hoặc chưa được công nhận học hết chương trình nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên và kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTBmcn dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số).

Khen thưởng

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh

a) Khen thưởng cuối năm học: "Học sinh Xuất sắc"; "Học sinh Giỏi "

b) Khen thưởng học sinh có thành tích đột xuất;

2. Học sinh có thành tích đặc biệt: xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng

Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Quản lý, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện và phổ biến đến cha mẹ học sinh
2. Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh theo quy định; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì của giáo viên; hàng tháng ghi nhận xét và ký xác nhận vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học).
3. Kiểm tra, đánh giá việc ghi kết quả và sửa chữa mức đánh giá hoặc điểm vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) (của giáo viên), Học bạ học sinh của giáo viên môn học, giáo viên chủ nhiệm
4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá lại các môn học; công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra; đánh giá lại các kết quả trong kì nghỉ hè
5. Xét duyệt danh sách học sinh: được lên lớp, đánh giá lại các kết quả trong kì nghỉ hè, được khen thưởng.
6. Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị về đánh giá học sinh trong phạm vi và quyền hạn của Hiệu trưởng.

Trách nhiệm của Giáo viên

Trách nhiệm của giáo viên môn học

1. Thực hiện **đánh giá thường xuyên**; **tham gia đánh giá định kì** theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi hoặc nhập điểm, mức đánh giá;
2. Tính điểm trung bình môn học; tổng hợp mức đánh giá theo học kì, cả năm học;
3. Cung cấp **thông tin nhận xét về kết quả rèn luyện** của học sinh

Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

1. **Giúp Hiệu trưởng quản lí việc đánh giá** học sinh của lớp học
2. Xác nhận việc **sửa chữa mức đánh giá hoặc điểm** của giáo viên môn học; tổng hợp kết quả rèn luyện và học tập của học sinh từng học kì, cả năm học
3. **Đánh giá kết quả rèn luyện** từng học kì và cả năm học của học sinh;
4. **Ghi hoặc nhập kết quả đánh giá** của mỗi học sinh vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học), Học bạ học
5. Hướng dẫn học sinh tự nhận xét trong quá trình rèn luyện và học tập.
6. **Thông báo riêng** cho cha mẹ học sinh.

